

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2089 /QĐ-UBND

Bình Phước, ngày 16 tháng 8 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai số liệu thực hiện dự toán
ngân sách địa phương quý II năm 2021, tỉnh Bình Phước**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của
Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các
cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2020 của Hội
đồng nhân dân tỉnh khóa IX, kỳ họp thứ mười bốn về dự toán ngân sách địa
phương và phân bổ dự toán chi ngân sách tỉnh năm 2021, tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 3234/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2020 của
Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2021;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 2208/TTr-STC
ngày 10 tháng 8 năm 2021 về việc công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách
địa phương quý II năm 2021, tỉnh Bình Phước,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách địa
phương quý II năm 2021, tỉnh Bình Phước (theo các biểu và phụ lục kèm theo
Quyết định này).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đoàn thể; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài chính;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng HĐND tỉnh;
- Như Điều 3;
- VKSND, TAND tỉnh;
- LĐVP, các phòng;
- Lưu: VT, (97Binh)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

CHỦ TỊCH



Trần Tuệ Hiền

Bình Phước, ngày 16 tháng 8 năm 2021

THUYẾT MINH

Tình hình thực hiện dự toán ngân sách địa phương quý II năm 2021,
tỉnh Bình Phước

(Kèm theo Quyết định số 2089/QĐ-UBND ngày 16 tháng 8 năm 2021 của UBND tỉnh)

A. Thu ngân sách nhà nước: 6.774.574 triệu đồng, bằng 89% dự toán Bộ Tài chính giao và đạt 61% dự toán HĐND tỉnh thông qua, tăng 79% so với cùng kỳ năm trước.

I. Thu nội địa: 6.059.415 triệu đồng, bằng 94% dự toán Bộ Tài chính giao và đạt 61% dự toán HĐND tỉnh thông qua, tăng 85% so với cùng kỳ năm trước.

1. Thu từ doanh nghiệp nhà nước Trung ương: 280.833 triệu đồng, bằng 59% dự toán Bộ Tài chính giao và dự toán HĐND tỉnh thông qua, tăng 43% so với cùng kỳ năm trước.

2. Thu từ doanh nghiệp nhà nước địa phương: 222.378 triệu đồng, bằng 49% dự toán Bộ Tài chính giao và dự toán HĐND tỉnh thông qua, giảm 5% so với cùng kỳ năm trước.

3. Thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài: 592.078 triệu đồng, bằng 132% dự toán Bộ Tài chính giao và dự toán HĐND tỉnh thông qua, tăng 170% so với cùng kỳ năm trước.

4. Thu từ khu vực công thương nghiệp ngoài quốc doanh: 890.695 triệu đồng, bằng 72% dự toán Bộ Tài chính giao và đạt 70% dự toán HĐND tỉnh thông qua, tăng 68% so với cùng kỳ năm trước.

5. Thu lệ phí trước bạ: 351.414 triệu đồng, bằng 100% dự toán Bộ Tài chính giao và đạt 91% dự toán HĐND tỉnh thông qua, tăng 104% so với cùng kỳ năm trước.

6. Thu thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: 3.246 triệu đồng, bằng 65% dự toán Bộ Tài chính giao và đạt 52% dự toán HĐND tỉnh thông qua, tăng 41% so với cùng kỳ năm trước.

7. Thu thuế thu nhập cá nhân: 537.827 triệu đồng, bằng 103% dự toán Bộ Tài chính giao và đạt 98% dự toán HĐND tỉnh thông qua, tăng 85% so với cùng kỳ năm trước.

8. Thu thuế bảo vệ môi trường: 115.824 triệu đồng, bằng 58% dự toán Bộ Tài chính giao và dự toán HĐND tỉnh thông qua, tăng 20% so với cùng kỳ năm trước.

9. Thu phí, lệ phí: 78.288 triệu đồng, bằng 60% dự toán Bộ Tài chính giao và đạt 65% dự toán HĐND tỉnh thông qua, tăng 27% so với cùng kỳ năm trước.

10. Thu tiền sử dụng đất: 1.925.419 triệu đồng, bằng 160% dự toán Bộ Tài chính giao và đạt 45% dự toán HĐND tỉnh thông qua, tăng 225% so với cùng kỳ năm trước.

11. Thu tiền thuê đất: 279.602 triệu đồng, bằng 62% dự toán Bộ Tài chính giao và đạt 37% dự toán HĐND tỉnh thông qua, tăng 93% so với cùng kỳ năm trước.

12. Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản: 72.713 triệu đồng, bằng 132% dự toán Bộ Tài chính giao và đạt 97% dự toán HĐND tỉnh thông qua, tăng 52% so với cùng kỳ năm trước.

13. Thu xổ số kiến thiết: 607.805 triệu đồng, bằng 87% dự toán Bộ Tài chính giao và đạt 76% dự toán HĐND tỉnh thông qua, tăng 8% so với cùng kỳ năm trước.

14. Thu khác ngân sách: 96.908 triệu đồng, bằng 48% dự toán Bộ Tài chính giao và đạt 46% dự toán HĐND tỉnh thông qua, giảm 12% so với cùng kỳ năm trước.

II. Thu từ Hải quan: 715.159 triệu đồng, bằng 61% dự toán Bộ Tài chính giao và dự toán HĐND tỉnh thông qua, tăng 41% so với cùng kỳ năm trước.

B. Chi ngân sách địa phương: 6.943.951 triệu đồng, bằng 68% dự toán Bộ Tài chính giao và đạt 50% dự toán HĐND tỉnh thông qua, tăng 33% so với cùng kỳ năm trước.

I. Chi đầu tư phát triển (bao gồm chi quyết toán các công trình năm trước chuyển sang): 3.752.215 triệu đồng, bằng 151% dự toán Bộ Tài chính giao và đạt 64% dự toán HĐND tỉnh thông qua, tăng 100% so với cùng kỳ năm trước.

II. Chi thường xuyên: 2.908.513 triệu đồng, bằng 46% dự toán Bộ Tài chính giao và đạt 41% dự toán HĐND tỉnh thông qua, bằng 100% so với cùng kỳ năm trước.

Trong đó:

1. Chi sự nghiệp kinh tế: 429.444 triệu đồng, đạt 25% dự toán HĐND tỉnh thông qua và giảm 12% so với cùng kỳ năm trước.

2. Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo: 1.168.150 triệu đồng, đạt 43% dự toán Bộ Tài chính giao và 44% dự toán HĐND tỉnh thông qua, tăng 1% so với cùng kỳ năm trước.

3. Chi sự nghiệp y tế: 293.503 triệu đồng, đạt 44% dự toán HĐND tỉnh thông qua và giảm 19% so với cùng kỳ năm trước.

4. **Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ:** 16.272 triệu đồng, đạt 67% dự toán Bộ Tài chính giao và 67% dự toán HĐND tỉnh thông qua và tăng 33% so với cùng kỳ năm trước.

5. **Chi sự nghiệp văn hóa - thể thao và du lịch:** 56.944 triệu đồng, đạt 39% dự toán HĐND tỉnh thông qua và giảm 4% so với cùng kỳ năm trước.

6. **Chi sự nghiệp phát thanh - truyền hình:** 31.622 triệu đồng, đạt 22% dự toán HĐND tỉnh thông qua và giảm 49% so với cùng kỳ năm trước.

7. **Chi đảm bảo xã hội:** 114.933 triệu đồng, đạt 46% dự toán HĐND tỉnh thông qua và tăng 74% so với cùng kỳ năm trước.

8. **Chi quản lý hành chính:** 575.964 triệu đồng, đạt 50% dự toán HĐND tỉnh thông qua và tăng 19% so với cùng kỳ năm trước.

9. **Chi an ninh - quốc phòng:** 189.434 triệu đồng, đạt 69% dự toán HĐND tỉnh thông qua và tăng 5% so với cùng kỳ năm trước.

10. **Chi khác ngân sách:** 32.247 triệu đồng, đạt 86% dự toán HĐND tỉnh thông qua và giảm 33% so với cùng kỳ năm trước.

II. Chi thực hiện cải cách tiền lương: 157.652 triệu đồng, đạt 50% dự toán HĐND tỉnh thông qua và giảm 21% so với cùng kỳ năm trước.

III. Chi thực hiện tinh giản biên chế theo Quyết định số 999-QĐ/TU: 19.956 triệu đồng, đạt 50% dự toán HĐND tỉnh thông qua và bằng 100% so với cùng kỳ năm trước.

IV. Chi cho các nhiệm vụ từ nguồn tăng thu cân đối: 57.591 triệu đồng, đạt 50% dự toán HĐND tỉnh thông qua và giảm 6% so với cùng kỳ năm trước.

V. Chi từ nguồn dự phòng ngân sách tỉnh: 44.050 triệu đồng, bằng 25% dự toán Bộ Tài chính giao và đạt 16% dự toán HĐND tỉnh thông qua, giảm 67% so với cùng kỳ năm trước./.



CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUÝ II NĂM 2021

(Kèm theo Quyết định số 2089/QĐ-UBND ngày 16 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước)

Đơn vị: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM		THỰC HIỆN		SO SÁNH (%)		
		Bộ Tài chính giao	HĐND tỉnh quyết định	Quý II/2020	Quý II/2021	Dự toán Bộ Tài chính giao	Dự toán HĐND tỉnh quyết định	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3	4	4/1	4/2	4/3
A	TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	7.602.700	11.170.000	3.778.497	6.774.574	89	61	179
I	Thu cân đối NSNN	7.602.700	11.170.000	3.778.497	6.774.574	89	61	179
1	Thu nội địa	6.432.700	10.000.000	3.270.065	6.059.415	94	61	185
2	Thu từ dầu thô							
3	Thu cân đối từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu	1.170.000	1.170.000	508.432	715.159	61	61	141
4	Thu viện trợ	-	-	-				
II	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang							
B	TỔNG CHI NSDP	10.153.674	13.855.000	5.234.816	6.943.951	68	50	133
I	Chi cân đối NSDP	8.955.915	13.855.000	5.208.134	6.943.951	78	50	133
1	Chi đầu tư phát triển	2.489.940	5.894.405	1.871.758	3.752.215	151	64	200
2	Chi thường xuyên	6.286.399	7.049.905	2.916.713	2.908.513	46	41	100
3	Chi trích lập quỹ phát triển đất	-	37.500	-	-	-	-	
4	Chi lập hoặc bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.000	1.000	-	-	-	-	



STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM		THỰC HIỆN		SO SÁNH (%)		
		Bộ Tài chính giao	HĐND tỉnh quyết định	Quý II/2020	Quý II/2021	Dự toán Bộ Tài chính giao	Dự toán HĐND tỉnh quyết định	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3	4	4/1	4/2	4/3
5	Chi thực hiện cải cách tiền lương	-	315.303	199.891	157.652		50	79
6	Chi thực hiện tinh giản biên chế theo Quyết định số 999-QĐ/TU	-	39.912	19.956	19.956		50	100
7	Chi cho các nhiệm vụ từ nguồn tăng thu cân đối	-	115.181	61.153	57.591		50	94
8	Chi đầu tư các dự án CNTT	-	126.000	-	-		-	
9	Chi trả nợ lãi	1.700	-	-	-			
10	Các khoản chi được quản lý qua NSNN	-	-	3.995	3.975			
11	Dự phòng	176.876	275.794	134.668	44.050	25	16	33
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP	1.197.759	-	26.682	-			
C	BỘI CHI NSDP/BỘI THU NSDP							
D	CHI TRẢ NỢ GỐC							

THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ II NĂM 2021

(Kèm theo Quyết định số 2089 /QĐ-UBND ngày 16 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước)

Đơn vị tính: triệu đồng.

STT	Nội dung	Dự toán		Số thực hiện		So sánh (%)		
		Bộ Tài chính giao	HĐND tỉnh quyết định	Quý II/2021	Quý II/2020	Dự toán Bộ Tài chính giao	Dự toán HĐND tỉnh quyết định	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3	4	4/1	4/2	4/3
A	Tổng thu NSNN trên địa bàn	7.602.700	11.170.000	3.778.497	6.774.574	89	61	179
I	Thu nội địa	6.432.700	10.000.000	3.270.065	6.059.415	94	61	185
1	Thu từ doanh nghiệp Nhà nước TW	480.000	480.000	196.919	280.833	59	59	143
2	Thu từ doanh nghiệp Nhà nước địa phương	450.000	450.000	233.803	222.378	49	49	95
3	Thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	450.000	450.000	219.644	592.078	132	132	270
4	Thu từ khu vực công thương nghiệp-ngoại quốc doanh	1.240.000	1.270.000	531.523	890.695	72	70	168
5	Lệ phí trước bạ	350.000	387.700	172.027	351.414	100	91	204
6	Thuế sử dụng đất nông nghiệp			-				
7	Thuế SD đất phi nông nghiệp	5.000	6.200	2.306	3.246	65	52	141
8	Thuế thu nhập cá nhân	520.000	550.000	291.278	537.827	103	98	185
9	Thuế bảo vệ môi trường	200.000	200.000	96.639	115.824	58	58	120
10	Thu phí và lệ phí	130.700	120.000	61.537	78.288	60	65	127
11	Tiền sử dụng đất	1.200.000	4.241.000	593.178	1.925.419	160	45	325

STT	Nội dung	Bộ Tài chính giao	HĐND tỉnh quyết định	Quý II/2021	Quý II/2020	Dự toán Bộ Tài chính giao	Dự toán HĐND tỉnh quyết định	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3	4	4/1	4/2	4/3
12	Thu tiền cho thuê đất	450.000	750.000	144.525	279.602	62	37	193
13	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	55.000	74.700	47.758	72.713	132	97	152
14	Thu xổ số kiến thiết	700.000	800.000	564.631	607.805	87	76	108
15	Thu khác	200.000	210.000	110.155	96.908	48	46	88
16	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	300	400	147	152	51	38	103
17	Thu CT, LNST, tiền bán bớt phần vốn NN	1.700	10.000	-	258	15	3	
18	Các khoản thu quản lý qua ngân sách			3.995	3.975		-	99
II	Thu từ Hải quan	1.170.000	1.170.000	508.432	715.159	61	61	141
B	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	6.136.400	9.625.915	3.121.328	5.874.414	96	61	188
1	Từ các khoản thu phân chia	3.026.400	4.374.915	1.498.651	2.558.248	85	58	171
2	Từ các khoản thu NSDP được hưởng 100%	3.110.000	5.251.000	1.622.677	3.316.166	107	63	204

THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUÝ II NĂM 2021

(Kèm theo Quyết định số 2089 /QĐ-UBND ngày 16 tháng 8 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước)

Đơn vị tính: triệu đồng.

A	Nội dung	Dự toán Bộ Tài chính giao	Dự toán HĐND tỉnh thông qua	Số thực hiện quý II/2020	Số thực hiện quý II/2021	SO SÁNH (%)		
						5/2	5/3	5/4
	Tổng chi NSDP	10.153.674	13.855.000	5.234.816	6.943.951	68	50	133
A	Chi cân đối NSDP	10.153.674	13.855.000	5.230.821	6.939.976	68	50	133
I	Chi đầu tư phát triển	2.489.940	5.894.405	1.871.758	3.752.215	151	64	200
1	Chi xây dựng cơ bản tập trung	2.489.940	5.762.305	1.871.758	3.752.215	151	65	200
2	Nguồn hỗ trợ từ TPHCM		20.000				0	
3	Chi đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương		112.100					
4	Chi trả nợ vay tín dụng 2011-2015							
II	Chi thường xuyên	6.286.399	7.049.905	2.916.713	2.908.513	46	41	100
1	Chi sự nghiệp kinh tế		1.718.391	488.305	429.444		25	88
2	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	2.716.731	2.625.478	1.153.353	1.168.150	43	44	101
3	Chi sự nghiệp y tế		669.349	363.629	293.503		44	81
4	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	24.284	24.284	12.254	16.272	67	67	133
5	Chi sự nghiệp văn hoá du lịch và thể thao		146.897	59.079	56.944		39	96
6	Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình		144.166	61.915	31.622		22	51
7	Chi đảm bảo xã hội		248.536	65.929	114.933		46	174



A	Nội dung	Dự toán Bộ Tài chính giao	Dự toán HĐND tỉnh thông qua	Số thực hiện quý II/2020	Số thực hiện quý II/2021	SO SÁNH (%)		
						2	3	4
8	Chi quản lý hành chính		1.159.925	483.400	575.964		50	119
9	Chi an ninh quốc phòng địa phương		275.599	180.794	189.434		69	105
10	Chi khác ngân sách		37.280	48.056	32.247		86	67
III	Chi trích lập quỹ phát triển đất		37.500		-			
IV	Chi lập hoặc bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.000	1.000		-			
V	Chi thực hiện cải cách tiền lương		315.303	199.891	157.652		50	79
VI	Chi thực hiện tinh giản biên chế theo Quyết định số 999-QĐ/TU		39.912	19.956	19.956		50	100
VII	Chi cho các nhiệm vụ từ nguồn tăng thu cân đối		115.181	61.153	57.591		50	94
VIII	Chi đầu tư các dự án CNTT		126.000					
IX	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW	1.197.759		26.682				
X	Chi hoàn trả tạm ứng NSTW							
XI	Dự phòng	176.876	275.794	134.668	44.050	25	16	33
XII	Chi trả nợ lãi	1.700						
B	Các khoản chi được quản lý qua NSNN			3.995	3.975			99